

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2018/DS-PT

Ngày: 26-4-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Bà Phạm Thị Liên Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Thái – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 95/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thượng K, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Số nhà 243, tổ 11, ấp M, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của ông K: Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1953; Địa chỉ: Số nhà 243, tổ 11, ấp M, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Là đại diện theo uỷ quyền.

Bị đơn: Phan Văn L, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số nhà 328, đường Đ, phường Y, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của ông L: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; Địa chỉ: số 187, khóm 2, Thị trấn V, huyện E, ĐT. Là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 12/12/2017).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Thị G, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số nhà 328, đường Đ, phường Y, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

- Hồ Văn U, sinh năm 1948;

- Hồ Thị P, sinh năm 1946;

Cùng địa chỉ: Số nhà 330, ấp O, xã B, huyện F, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ tạm trú: Số nhà 540, đường I, phường Z, Quận X, thành phố Hồ

Chí Minh.

- Đoàn Thị N, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số nhà 243, tổ 11, ấp M, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Ông Phan Văn L, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số nhà 328, đường Đ, phường Y, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Thượng K có người đại diện theo ủy quyền bà Đoàn Thị N trình bày:*

Ông Nguyễn Thượng K có cho ông Phan Văn L vay các lần tiền như sau:

Ngày 10/12/2004, ông L vay số tiền 85.000.000 đồng;

Ngày 30/12/2004, ông L vay số tiền 30.000.000 đồng;

Ngày 24/02/2005, ông L vay số tiền 20.000.000 đồng;

Tổng số tiền 135.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 1%/tháng, không có xác định thời hạn vay, hai bên thỏa thuận khi nào ông K cần thì sẽ thông báo cho ông L biết trước 01 tháng để ông L trả nợ vay. Các lần vay trên đều có làm biên nhận. Sau khi vay ông L đã đóng lãi cho ông K đến hết tháng 02/2008.

Ông K đã nhiều lần yêu cầu ông L trả nợ nhưng đến nay ông L vẫn chưa thực hiện việc trả nợ cho ông K.

Nay ông K yêu cầu ông Phan Văn L trả cho ông K số tiền nợ vay tổng cộng gốc 135.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 01/3/2008 đến ngày xét xử, lãi suất 0,83%, tổng cộng tiền lãi là 159.750.000 đồng.

Đối với yêu cầu phân tố của ông Phan Văn L yêu cầu ông K trả số tiền 21.000.000 đồng ông K không đồng ý.

- *Bị đơn ông Phan Văn L có ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của ông L trình bày:*

Đối với số tiền 85.000.000 đồng theo Biên nhận vay ngày 10/12/2004 ông L xác định có vay của ông K nhưng đã thanh toán xong cho ông K một lần tiền vào ngày 27/12/2004, có làm biên nhận.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 30/12/2004 ông L cho rằng không phải là tiền ông L vay của ông K, mà là tiền giao dịch khác giữa ông K và ông L.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 24/02/2005 ông L thừa nhận là số tiền đã vay của ông K vào ngày 24/02/2005 và đến nay vẫn chưa thanh toán cho ông K.

Nay, đối với yêu cầu của ông K, ông L chỉ đồng ý một phần yêu cầu. Theo đó ông L chỉ đồng ý cá nhân ông L sẽ trả cho ông K số tiền 20.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

Đối với số tiền 85.000.000 đồng và 30.000.000 đồng ông L không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và cũng không đồng ý trả tiền lãi theo ông K yêu cầu.

Ngoài ra, vào ngày 25/5/2005 ông L có cho ông K vay số tiền 21.000.000 đồng, có làm biên nhận, không xác định thời hạn vay, hai bên thỏa thuận lãi suất 0,75%/tháng. Sau khi vay thì ông K chưa thanh toán nợ gốc và cũng không có

đóng lãi lần nào cho ông L.

Nay ông L yêu cầu ông Nguyễn Thượng K và bà Đoàn Thị N liên đới trả cho ông L số tiền 21.000.000 đồng nợ vay gốc, ông L không yêu cầu tính lãi.

Đối với số tiền 19.565.000 đồng ông L rút yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với kết luận giám định của Trung tâm tư vấn giám định dân sự ngày 15/10/2017 thì anh H đại diện ủy quyền ông L không có ý kiến và yêu cầu gì.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn U và Hồ Thị P trình bày:*

Ông U và bà P xác định không có liên quan trong số tiền 85.000.000 đồng mà ông K và ông L đang tranh chấp. Nay ông U và bà P cũng không có yêu cầu gì trong vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị N trình bày:*

Bà N không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn vì bà N và ông K không có vay tiền của ông L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà G ủy quyền cho anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Việc ông K yêu cầu bà G liên đới cùng ông L trả số tiền vốn 135.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 3/2008 đến nay bà G không đồng ý theo yêu cầu ông K.

- Tại bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thượng K yêu cầu ông Phan Văn L trả số tiền vốn tổng cộng là 135.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu ông Nguyễn Thượng K yêu cầu ông Phan Văn L trả số tiền lãi là 159.705.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu tiền lãi của ông Nguyễn Thượng K yêu cầu ông Phan Văn L trả tiền lãi là 107.119.800 đồng.

2. Buộc ông Phan Văn L trả cho ông Nguyễn Thượng K số tiền vốn là 135.000.000 đồng và tiền lãi là 107.119.800 đồng.

Kể từ khi ông Nguyễn Thượng K có đơn yêu cầu thi hành án số tiền trên mà ông Phan Văn L chậm thi hành án sẽ được tính lãi suất theo quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phan Văn L yêu cầu ông Nguyễn Thượng K và bà Đoàn Thị N liên đới trả cho ông Phan Văn L số tiền vốn là 21.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu của ông Phan Văn L đối với số tiền 19.565.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thượng K phải chịu là 2.662.875 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông K đã đóng là 4.185.000 đồng, theo biên lai thu số 005754 ngày 09/3/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, ông K được nhận lại khoản tiền chênh lệch là 1.522.000 đồng.

Ông Phan Văn L chịu 13.155.990 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 1.523.000 đồng theo biên lai thu số 008868 ngày 01/8/2010 của

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, ông Phan Văn L phải đóng thêm là 11.632.990 đồng.

5. Chi phí giám định:

Ông Phan Văn L chịu 1.275.000 đồng theo Kết luận số 683/KLGD-PC54 ngày 03/12/2010. Ông Nguyễn Thượng K đã tạm ứng nên ông L phải trả lại ông K 1.275.000 đồng.

Ông Phan Văn L chịu 1.110.000 đồng Theo kết luận 397.KLGD-PC21 ngày 14/4/2011, ông Phan Văn L đã tạm ứng và đã chi xong.

Ông Phan Văn L chịu 510.000 đồng Theo kết luận 240/KLGD-PC21 ngày 24/5/2010, ông Phan Văn L đã tạm ứng và đã chi xong.

Ông Phan Văn L chịu 3.000.000 đồng Theo kết luận 619/C54-P5 ngày 13/6/2013, ông Phan Văn L đã tạm ứng và đã chi xong.

Chi phí giám định theo kết luận Trung tâm tư vấn giám định dân sự ngày 15/10/2017 số tiền 3.000.000 đồng ông Phan Văn L phải chịu, bà N đã tạm ứng ông Phan Văn L có trách nhiệm trả lại cho ông K 3.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/01/2018, ông Phan Văn L kháng cáo bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh H đại diện cho ông L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do không đánh giá toàn diện chứng cứ, không xem xét đến thời hiệu khởi kiện, áp đặt chủ quan, không xem xét yêu cầu của các bên trình bày.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bà N đại diện cho ông K trình bày: Bà đồng ý với bản án sơ thẩm, không đồng ý với kháng cáo của ông L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà G, ông U, bà P vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hai bên ông L và ông K có mối quan hệ trong nhóm bán bảo hiểm cho Công ty bảo hiểm W. Ông L thừa nhận có giao dịch với ông K, có nhận của ông K 03 lần tiền: Lần thứ nhất nhận 85.000.000đ vào ngày 10/12/2004, lần thứ hai nhận 30.000.000đ vào ngày 30/12/2004, lần thứ ba nhận 20.000.000đ vào ngày 24/02/2005. Tuy nhiên đối với số tiền 85.000.000đ ông L

cho rằng đã căn trừ vào số tiền ông U, bà P; đối với số tiền 35.000.000đ là chi phí tư vấn ông K phải nộp cho ông L để ông L nộp lại cho Công ty bảo hiểm W nên ông L không còn trách nhiệm. Đối với số tiền 20.000.000đ ông L thừa nhận chưa trả nên đồng ý trả 20.000.000đ cho ông K nhưng không đồng ý trả lãi phần này.

[3] Bên ông K đưa ra chứng cứ là 03 biên nhận các ngày 10/12/2004, 30/12/2004, 24/02/2005.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về thời hiệu khởi kiện do 03 biên nhận không ghi thời hạn trả nợ nên xác định thời hạn tính từ khi phát sinh tranh chấp là ngày ông K nộp đơn khởi kiện và Tòa án thụ lý vụ án.

- Đối với 02 khoản tiền 85.000.000đ và 35.000.000đ ông L nại ra rằng: Khoản 35.000.000đ là tiền đóng phí bảo hiểm cho Công ty bảo hiểm W và tiền mua quà tặng cho khách hàng nhưng ông L không đưa ra được phiếu thu tiền của Công ty W và không có chứng từ phát quà tặng cho khách hàng. Còn khoản tiền 85.000.000đ căn trừ qua tiền của ông U, bà P đã thanh toán xong cho ông K nhưng ông U, bà P không thừa nhận có giao dịch gì với ông K và không biết, không liên quan gì đối với vụ án. Đồng thời ông L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã thanh toán 02 khoản tiền này nên không có cơ sở chấp nhận.

- Đối với việc tính lãi, Tòa án cấp sơ thẩm tính từ ngày thụ lý vụ án là có cơ sở và so với quy định hiện hành là phù hợp, không vượt quá quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

- Về giám định:

Tòa án đã 04 lần trưng cầu giám định theo yêu cầu của đương sự và có kết luận của các tổ chức giám định ngày 24/10/2010 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, ngày 14/4/2011 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an, ngày 13/6/2013 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an và ngày 15/10/2017 của Trung tâm tư vấn giám định dân sự đã đủ cơ sở để giải quyết vụ án.

Ngày 16/4/2018 ông L có đơn yêu cầu giám định lại vì cho rằng kết luận giám định số 30 ngày 15/10/2017 của Trung tâm tư vấn giám định dân sự và kết luận giám định số 619 ngày 13/6/2013 của Viện Khoa học hình sự có sự khác nhau. Hội đồng xét xử xét thấy phần trưng cầu giám định đối với số tiền 21.000.000đ và dòng chữ “K mượn TL” là một quan hệ, một giao dịch khác vì theo chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thì người có tên TL là một khách hàng mua bảo hiểm, không phải là người có liên quan trong vụ án, cho nên đây không phải là chứng cứ để giải quyết vụ án, do đó không chấp nhận yêu cầu giám định lại của ông L vì không có căn cứ, không đúng quy định với khoản 2 Điều 29 Luật giám định tư pháp.

- Đối với việc bà N xin giảm án phí dân sự sơ thẩm cho ông K nhưng ông K không có đơn kháng cáo phần này nên không xem xét.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận kháng cáo nên ông L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn L.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thượng K yêu cầu ông Phan Văn L trả số tiền vốn tổng cộng là 135.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu ông Nguyễn Thượng K yêu cầu ông Phan Văn L trả số tiền lãi là 159.705.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu tiền lãi của ông Nguyễn Thượng K yêu cầu ông Phan Văn L trả tiền lãi là 107.119.800 đồng.

2. Buộc ông Phan Văn L trả cho ông Nguyễn Thượng K số tiền vốn là 135.000.000 đồng và tiền lãi là 107.119.800 đồng.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền trên mà người phải thi hành án chậm thi hành án sẽ được tính lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phan Văn L yêu cầu ông Nguyễn Thượng K và bà Đoàn Thị N liên đới trả cho ông Phan Văn L số tiền vốn là 21.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu của ông Phan Văn L đối với số tiền 19.565.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thượng K phải chịu là 2.662.875 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông K đã đóng là 4.185.000 đồng, theo biên lai thu số 005754 ngày 09/3/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, ông K được nhận lại khoản tiền chênh lệch là 1.522.000 đồng.

Ông Phan Văn L chịu 13.155.990 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 1.523.000 đồng theo biên lai thu số 008868 ngày 01/8/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, ông Phan Văn L phải đóng thêm là 11.632.990 đồng.

Ông Phan Văn L phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 04846 ngày 29/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

5. Chi phí giám định:

Ông Phan Văn L chịu 1.275.000 đồng theo Kết luận số 683/KLGD-PC54 ngày 03/12/2010. Ông Nguyễn Thượng K đã tạm ứng nên ông L phải trả lại ông K 1.275.000 đồng.

Ông Phan Văn L chịu 1.110.000 đồng Theo kết luận 397.KLGD-PC21 ngày 14/4/2011, ông Phan Văn L đã tạm ứng và đã chi xong.

Ông Phan Văn L chịu 510.000 đồng Theo kết luận 240/KLGD-PC21 ngày 24/5/2010, ông Phan Văn L đã tạm ứng và đã chi xong..

Ông Phan Văn L chịu 3.000.000 đồng Theo kết luận 619/C54-P5 ngày 13/6/2013, ông Phan Văn L đã tạm ứng và đã chi xong.

Chi phí giám định theo kết luận Trung tâm tư vấn giám định dân sự ngày 15/10/2017 số tiền 3.000.000 đồng ông Phan Văn L phải chịu, bà N đã tạm ứng ông Phan Văn L có trách nhiệm trả lại cho ông K 3.000.000 đồng.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP C;
- Chi cục THADS TP C;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Ngọc Thông